Aus4Reform

Australian Aid

CHẤT LƯỢNG ĐIỀU KIỆN KINH DOANH: VẤN ĐỀ VÀ KIẾN NGHỊ

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG 4
DANH MỤC HỘP 4
LỜI NÓI ĐẦU 5
CHƯƠNG 1. RÀ SOÁT CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CHỈ ĐẠO CỦA CHÍNH PHỦ VỀ NGÀNH NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH 7
1.1. Rà soát các chỉ đạo của Chính phủ về cải cách điều kiện kinh doanh 7
1.2. Một số nguyên tắc rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện kinh doanh 15
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CẢI CÁCH ĐIỀU KIỆN KINH DOANH 2017-2019 17
2.1. Thực trạng Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện 17
2.1.1. Một số kết quả đạt được 17
2.1.2. Nhận diện một số hạn chế, bất cập trong Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện 21
2.1.3. Một số nhận xét về Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện 23
2.2. Thực trạng chất lượng điều kiện kinh doanh 2016-2017 23
2.2.1. Một số kết quả điển hình về cải cách điều kiện kinh doanh 23
2.2.2. Kết quả rà soát độc lập của nghiên cứu 24
2.2.3. Nhận xét chung về cải cách điều kiện kinh doanh 26
2.3. Nhận diện cụ thể một số bất cập, hạn chế về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và chất lượng điều kiện kinh doanh 27
2.3.1. Một ngành nghề, nhưng nhiều Bộ quản lý với các yêu cầu khác nhau về điều kiện kinh doanh 27
2.3.2. Một số điều kiện kinh doanh cắt giảm chưa thực chất 31
2.3.3. Điều kiện kinh doanh quy định không cần thiết, bất hợp lý, tạo gánh nặng thủ tục cho doanh nghiệp 33
2.3.4. Điều kiện kinh doanh nằm trong điều kiện kinh doanh 35
2.3.5. Điều kiện kinh doanh thiếu rõ ràng, có thể dẫn tới sự tùy ý của cơ quan quản lý nhà nước, gây bất lợi cho doanh nghiệp 38
2.3.6. Điều kiện kinh doanh dưới hình thức quy định về chứng chỉ do cơ quan quản lý nhà nước cấp còn khá phổ biến 38
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CẢI CÁCH ĐIỀU KIỆN KINH DOANH 39
3.1. Nhóm giải pháp chung 39
3.2. Nhóm giải pháp đối với các bộ, ngành 40
3.3. Nhóm giải pháp đối với các địa phương 41
3.4. Nhóm giải pháp đối với doanh nghiệp 41
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 43

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh đề xuất bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung (Danh mục ban hành kèm theo Luật Đầu tư)..... 18

Bảng 2: Kết quả rà soát độc lập về cắt giảm điều kiện kinh doanh..... 25

DANH MỤC HỘP

Hộp 1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bưu chính..... 34

Hộp 2. Điều kiện cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền..... 36

Hộp 3. Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền..... 37

LỜI NÓI ĐẦU

Cải cách các quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh (gọi tắt là điều kiện kinh doanh) nhằm thúc đẩy cạnh tranh, khuyến khích phát triển doanh nghiệp là trọng tâm của Chính phủ trong những năm gần đây. Thực tế cho thấy số lượng điều kiện kinh doanh rất lớn. Các điều kiện kinh doanh không cần thiết, không hợp lý, không có ý nghĩa và hiệu quả về quản lý nhà nước tồn tại khá phổ biến. Những điều kiện kinh doanh như vậy gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tăng chi phí và rủi ro, làm giảm niềm tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp; giảm tính hấp dẫn của môi trường kinh doanh; tạo dư địa tham nhũng, … và do vậy tác động trực tiếp tới tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế.

Bởi vậy, cùng với Nghị quyết số 19 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2018, các Nghị quyết chuyên đề và các Nghị quyết phiên họp Chính phủ đã liên tục chỉ đạo thực hiện các giải pháp về cải cách, cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh. Ví dụ như: Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 31/8/2017 về phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2017; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 3/10/2017 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;… Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã giao các Bộ: "*Cải thiện căn bản, tạo chuyển biến mạnh mẽ các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh, trong đó tập trung cải cách toàn diện hoạt động kiểm tra chuyên ngành, bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm và thủ tục kiểm tra chuyên ngành; cắt giảm, đơn giản hóa 50% điều kiện đầu tư kinh doanh*".

Theo báo cáo tổng hợp của Văn phòng Chính phủ (tháng 5 năm 2019), các bộ, ngành đã trình ban hành 29 văn bản quy phạm pháp luật để chính thức cắt giảm 3.425/6.191 điều kiện kinh doanh (đạt 110,6%, vượt 10,6% so với yêu cầu)[1]. Với tổng hợp này của Văn phòng Chính phủ, nhìn chung các Bộ đã hoàn thành việc cắt bỏ, đơn giản hoá điều kiện đầu tư, kinh doanh trong năm 2018.

Tuy vậy, qua nghiên cứu, rà soát và phản ánh của cộng đồng doanh nghiệp thì điều kiện kinh doanh vẫn là rào cản đối với doanh nghiệp, chất lượng cắt giảm

[1] Báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính 4 tháng đầu năm 2019.

ở nhiều lĩnh vực còn mang tính hình thức, chưa thực chất. Vì thế, tuy các Bộ báo cáo đã cắt giảm 50% số điều kiện kinh doanh, nhưng cải cách được ghi nhận còn hạn chế.

Trước thực trạng trên, việc nhận diện các rào cản trong quy định và thực thi về điều kiện kinh doanh để từ đó kiến nghị cải cách chất lượng điều kiện kinh doanh là cần thiết. Trong khuôn khổ Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương thực hiện nghiên cứu "Chất lượng điều kiện kinh doanh: Vấn đề và giải pháp" nhằm nhận diện kết quả cải cách điều kiện kinh doanh trong thời gian vừa qua; nhận diện các hạn chế, tồn tại về chất lượng điều kiện kinh doanh; từ đó kiến nghị các giải pháp hoàn thiện, đảm bảo cắt giảm điều kiện kinh doanh thực chất. Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở xác định các nguyên tắc về ngành nghề kinh doanh có điều kiện và nguyên tắc ban hành điều kiện kinh doanh; rà soát các văn bản quy định về điều kiện kinh doanh, khảo sát hoạt động thực thi để nhận diện các hạn chế; từ đó kiến nghị các giải phải hoàn thiện thế chế.

Báo cáo do Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và nhóm tư vấn của dự án Aus4Reform thực hiện. Nhóm soạn thảo do Tiến sỹ Nguyễn Đình Cung Nguyên Viện trưởng, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương chủ trì, với sự tham gia của Ban Nghiên cứu Môi trường kinh doanh và Năng lực cạnh tranh. Các tư vấn đóng góp báo cáo chuyên đề và tổng hợp gồm Hoàng Thị Lý, Đoàn Thị Thu Hương, Lê Thị Thúy Nga, Đỗ Thị Hải.

Nhân dịp này, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Chương trình Aus4Reform, cảm ơn các chuyên gia trong và ngoài Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương đã góp ý, bình luận cho Báo cáo.

Mọi đánh giá, quan điểm, ý kiến trình bày trong Báo cáo này là của nhóm nghiên cứu, không nhất thiết phản ánh quan điểm của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương hay Chương trình Aus4Reform

TS. TRẦN THỊ HỒNG MINH

Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Giám đốc Chương trình Aus4Reform

CHƯƠNG 1. RÀ SOÁT CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CHỈ ĐẠO CỦA CHÍNH PHỦ VỀ NGÀNH NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

1.1. Rà soát các chỉ đạo của Chính phủ về cải cách điều kiện kinh doanh

Luật Đầu tư 2014 có những điểm mới, tiến bộ và phạm vi điều chỉnh rõ ràng hơn so với Luật Đầu tư 2005. Trong đó, đáng chú ý là cải cách quy định về lĩnh vực cấm đầu tư kinh doanh và đầu tư kinh doanh có điều kiện, đó là sự thay đổi phương pháp tiếp cận, thay vì "chọn cho" (nghĩa là cái gì cho thì ghi trong luật), đã chuyển sang cách "chọn bỏ" (quy định những gì cấm, còn lại thì doanh nghiệp, nhà đầu tư được phép đầu tư, kinh doanh theo quy đinh của pháp luật). Đây là quy định tiến bộ, khẳng định "Nhà đầu tư có quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm". Theo đó, Điều 6, Luật Đầu tư 2014 đã vạch rõ giới hạn của các ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh, gồm 07 ngành nghề theo Luật số 03/2016/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2016 sửa đổi Điều 6 và phụ lục 4 của Luật Đầu tư (so với 06 ngành nghề trong Luật Đầu tư 2014). Tất cả những ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều này đều đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, nhưng được tổng hợp trong Luật Đầu tư để làm rõ hơn quy định về quyền tự do kinh doanh của công dân. Ngoài ra, Luật Đầu tư 2014 đã quy định danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (tại Phụ lục IV) thay vì trước đây phải tìm hiểu qua các văn bản chuyên ngành. Theo Luật số 03/2016/QH14, danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện bao gồm 243 ngành nghề (so với 267 ngành nghề trong Luật Đầu tư 2014). Quy định này cũng tránh được cách hiểu khác nhau của người thi hành, áp dụng luật.

Khoản 3, Điều 74, Luật Đầu tư 2014 quy định: "*Điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành trái với quy định tại khoản 3 Điều 7 của Luật này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016*."

Khoản 3 Điều 7 Luật Đầu tư 2014 quy định: "*Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều này được quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không được ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh*."

Với những quy định này của Luật Đầu tư, trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2016, các Bộ, ngành đồng loạt nâng cấp điều kiện kinh doanh được quy định

tại Thông tư lên Nghị định để đảm bảo tính hiệu lực của quy định về điều kiện kinh doanh. Rà soát của Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (tháng 8 năm 2017) cho thấy có khoảng 6000 điều kiện kinh doanh do các Bộ, ngành quản lý, trong đó gần 3000 điều kiện kinh doanh thuộc các hình thức yêu cầu về địa điểm, năng lực sản xuất, nhân lực, phương thức kinh doanh, quy hoạch, điều kiện khác.

Trên cơ sở kết quả rà soát đó, Thủ tướng Chính phủ đã giao và liên tục chỉ đạo các bộ, ngành rà soát, kiến nghị cắt giảm 50% điều kiện kinh doanh; trình cấp có thẩm quyền các văn bản để thực thi phương án đơn giản hóa điều kiện kinh doanh bằng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo quy trình, thủ tục rút gọn. Chỉ tính riêng ba năm 2017-2019 đã có tới gần 40 văn bản của Chính phủ chỉ đạo về nội dung cải cách điều kiện kinh doanh.

Các Nghị quyết phiên họp thường kỳ các tháng 6, 7, 8 (năm 2017) và Nghị quyết phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật đều yêu cầu các bộ rà soát, loại bỏ các điều kiện kinh doanh bất hợp lý. Cụ thể là:

- Nghị quyết 19-2017/NQ-CP ngày 6/2/2017 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 nêu rõ: "*Tiếp tục cải cách toàn diện các quy định về điều kiện kinh doanh*".

- Các Nghị quyết phiên họp thường kỳ các tháng 6, 7, 8 (năm 2017) và Nghị quyết phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật ngày 22/8/2017 yêu cầu các Bộ rà soát, loại bỏ các điều kiện kinh doanh bất hợp lý. Trong đó, Nghị quyết phiên họp thường kỳ tháng 7 giao rõ nhiệm vụ cho các Bộ rà soát các điều kiện kinh doanh theo nguyên tắc thị trường của OECD, đề xuất bãi bỏ các điều kiện hạn chế cạnh tranh.

- Nghị quyết số 83/NQ-CP phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật ngày 31/08/2017 tiếp tục nêu rõ: "*Giao các Bộ, cơ quan ngang bộ nghiên cứu…, chủ động đề xuất bãi bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, không phù hợp; tăng cường lấy ý kiến, đối thoại với doanh nghiệp, hiệp hội để tạo sự đồng thuận, tính minh bạch trong việc ban hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, đồng thời với việc rà soát, chủ động sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh*" (điểm 10).

- Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 3/10/2017 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa xác định: "*Bãi bỏ các rào cản, quy định điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý, mở rộng khả năng tham gia thị trường, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng*"; "*Tiếp tục, rà soát, đánh giá, đề xuất bãi bỏ ít nhất từ 1/3 đến 1/2 số điều kiện kinh doanh hiện hành trong lĩnh vực quản lý và thủ tục hành chính, đang gây cản trở, khó khăn cho hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp*" (điểm 2, mục II).

Đáng chú ý là, trong năm 2018, liên tục các tháng trong năm, Chính phủ đều chỉ đạo và nhấn mạnh tới yêu cầu cải cách điều kiện kinh doanh. Gần 20 văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ về nội dung này, cụ thể là:

- Nghị quyết 01 của Chính phủ ngày ngày 01 tháng 01 năm 2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 nhấn mạnh: "*Cải thiện căn bản, tạo chuyển biến mạnh mẽ các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh, trong đó tập trung cải cách toàn diện hoạt động kiểm tra chuyên ngành, bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm và thủ tục kiểm tra chuyên ngành; cắt giảm, đơn giản hóa 50% điều kiện đầu tư kinh doanh*" (điểm 1.10, mục II).

- Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 2 năm 2018 yêu cầu *"Khẩn trương rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa, bãi bỏ điều kiện kinh doanh, thủ tục kiểm tra chuyên ngành không cần thiết, bất hợp lý, chồng chéo, gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm và thủ tục kiểm tra chuyên ngành; cắt giảm, đơn giản hóa 50% điều kiện kinh doanh; báo cáo Thủ tướng Chính phủ chậm nhất trước ngày 30 tháng 4 năm 2018. Xây dựng văn bản thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định về điều kiện kinh doanh, thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng xây dựng một nghị định sửa nhiều nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Chính phủ xem xét, ban hành chậm nhất trước ngày 31 tháng 10 năm 2018"*.

- Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2018 yêu cầu các bộ, cơ quan *"Tiếp tục rà soát danh mục sản phẩm, hàng hóa, thủ tục kiểm tra chuyên ngành, các điều kiện kinh doanh thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách để đơn giản hóa, cắt giảm hoặc bãi bỏ điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý, bảo đảm mục tiêu của Chính phủ đã đề ra"*.

- Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 10 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2018 yêu cầu các bộ, ngành, địa phương *"tập trung rà soát cơ chế, chính sách, quy định pháp luật, nhất là các quy định về đầu tư kinh doanh, quy hoạch, môi trường, đất đai..., bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh; cải cách toàn diện hoạt động kiểm tra chuyên ngành theo mục tiêu đã đề ra; tiếp tục rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính"*.

- Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo yêu cầu *"Đối với các bộ đã rà soát, có quyết định bãi bỏ các điều kiện đầu tư, kinh doanh cụ thể, thì hoàn thành việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan, trình Chính phủ ban hành trong quý III/2018. Đối với các bộ chưa rà soát, chưa có kết quả rà soát, thì phải hoàn thành rà soát, xây dựng kế hoạch cắt giảm, bổ sung, sửa đổi các quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trước tháng 6/2018 và hoàn thành soạn thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh, trong đó bãi bỏ các điều kiện đầu tư, kinh doanh không còn cần thiết, trình Chính phủ trong quý III/2018"*.

- Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2018 yêu cầu *"Các bộ quản lý chuyên ngành khẩn trương thực hiện cắt giảm thực chất các thủ tục kiểm tra chuyên ngành như đã cam kết, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thông thoáng"*.

- Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 10 tháng 07 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ với các địa phương và phiên họp thường kỳ tháng 6 năm 2018 yêu cầu *"Bộ cơ quan quản lý chuyên ngành khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình ban hành các văn bản về cắt giảm, đơn giản hóa 50% danh mục sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành và thủ tục kiểm tra chuyên ngành; 50% điều kiện đầu tư kinh doanh trước ngày 15 tháng 8 năm 2018. Kiên quyết không làm phát sinh những điều kiện kinh doanh mới trong thể chế chính sách, pháp luật mới ban hành. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành, công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, giảm tối đa chi phí cho người dân và doanh nghiệp"*.

- Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh xác định *"cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành, cắt giảm điều kiện kinh doanh là một trong những giải pháp quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng, giải phóng nguồn lực xã hội, do đó cần tập trung chỉ đạo*

thực hiện công tác này một cách quyết liệt, thực chất, xử lý nghiêm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị không thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao".

- Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 08 tháng 08 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2018 yêu cầu *"Việc cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và đơn giản, cắt giảm điều kiện kinh doanh phải thực chất, khắc phục triệt để những bất cập hiện nay, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, giảm tối đa chi phí cho người dân, doanh nghiệp và xã hội. Yêu cầu các bộ quản lý chuyên ngành và điều kiện kinh doanh quyết liệt thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh. Khẩn trương hoàn thiện để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành phương án đơn giản, cắt giảm danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh chậm nhất là ngày 15 tháng 8 năm 2018 để thực hiện.".*

- Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2018 yêu cầu *"Các bộ quản lý chuyên ngành và điều kiện kinh doanh khẩn trương xây dựng, hoàn thiện, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản liên quan đến kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh theo yêu cầu chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2018, không để phát sinh các thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh".*

- Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động thúc đẩy cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 – 2020 yêu cầu *"Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý, kiểm tra chuyên ngành; điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa để sửa đổi, bổ sung theo hướng: Thống nhất đầu mối quản lý, kiểm tra; chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, áp dụng quản lý rủi ro, công nhận lẫn nhau, đề cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp".*

- Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2018 yêu cầu *"các bộ quản lý chuyên ngành khẩn trương trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản pháp luật để cắt giảm, đơn giản hóa danh mục hàng hóa, sản phẩm, thủ tục kiểm tra chuyên ngành và điều kiện đầu tư kinh doanh, bảo đảm mục tiêu của Chính phủ đã đề ra".*

- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa

phương nhấn mạnh *"Nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, trong đó tập trung vào hoạt động đánh giá tác động thủ tục hành chính, tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính tại các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; thẩm định; thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện nghiêm túc việc cắt giảm điều kiện kinh doanh, danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành và công bố lợi ích kinh tế mang lại"*.

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp xác định mục tiêu *"Cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh không cần thiết, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định có liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh; hạn chế tối đa việc ban hành mới các điều kiện kinh doanh bất hợp lý, không cần thiết"*.

- Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2018 yêu cầu *"Các Bộ, cơ quan quản lý chuyên ngành tập trung hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các các văn bản cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và đơn giản hóa, cắt giảm điều kiện kinh doanh. Đồng thời đánh giá, xác định hiệu quả kinh tế của việc thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành và điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; gửi báo cáo đến Văn phòng Chính phủ trước ngày 20 tháng 11 năm 2018 và đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan"*.

- Nghị quyết số 150/NQ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2018 yêu cầu *"Các bộ quản lý chuyên ngành và có điều kiện kinh doanh tiếp tục rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa một cách thực chất các thủ tục kiểm tra chuyên ngành, danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh không cần thiết, gây phiền hà cho doanh nghiệp"*.

- Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về Hội nghị Chính phủ với địa phương và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2018 yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ *"tiếp tục rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, coi đây là khâu đột phá; kiên quyết không để phát sinh các điều kiện kinh doanh, sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành sau khi đã cắt giảm, đơn giản hóa; loại bỏ việc lồng ghép, bổ sung các điều kiện kinh doanh trong văn bản quy phạm pháp luật của bộ, ngành, địa phương hoặc quy định dưới dạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật"*.

Sang năm 2019, cải cách điều kiện kinh doanh vẫn tiếp tục là mục tiêu ưu tiên của Chính phủ với hơn 10 văn bản chỉ đạo. Cụ thể là:

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 yêu cầu *"Đơn giản hóa, cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, coi đây là một khâu đột phá thúc đẩy tăng trưởng. Không để phát sinh điều kiện kinh doanh, sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành không cần thiết. Không lồng ghép, bổ sung các điều kiện kinh doanh mới vào các văn bản quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Lựa chọn thủ tục hành chính đáp ứng đủ điều kiện để tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, bảo đảm thực hiện được mục tiêu Quốc hội giao. Thực hiện triệt để thuê dịch vụ thanh toán các khoản bảo hiểm xã hội"*.

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 yêu cầu *"Tiếp tục bãi bỏ, đơn giản hóa các quy định về điều kiện kinh doanh; thực thi đầy đủ, triệt để những cải cách về điều kiện kinh doanh đã thực hiện trong năm 2018"*.

- Công văn số 320/TTg-KSTT ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính xác định *"Các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát, tổng hợp số lượng điều kiện kinh doanh, sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành sau khi đã cắt giảm, đơn giản hóa theo từng ngành, lĩnh vực quản lý để công bố, công khai theo quy định, hoàn thành trước 30 tháng 3 năm 2019, đồng thời gửi Văn phòng Chính phủ tổng hợp, công khai trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và gửi các thành viên Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ, một số cơ quan liên quan để phục vụ quá trình thẩm định, thẩm tra dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, giám sát, kiểm tra trong quá trình thực thi, kiên quyết không để phát sinh thêm các điều kiện kinh doanh, sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành so với số lượng đã công bố, công khai theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018"*.

- Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01 tháng 04 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019 xác định nhiệm vụ *"Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm thực chất các điều kiện kinh doanh, cải cách*

thủ tục hành chính, tháo gỡ nút thắt hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển".

- Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2019 yêu cầu các bộ, ngành *"Tiếp tục chỉ đạo rà soát, trình Chính phủ bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh không rõ ràng, không cụ thể, không khả thi"*.

- Nghị quyết số 39/NQ-CP ngày 11 tháng 06 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2019 yêu cầu các bộ, ngành *"tiếp tục quyết liệt cắt giảm thực chất các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không cần thiết, gây phiền hà cho doanh nghiệp, bảo đảm tiến độ đã đề ra, không để lợi ích nhóm chi phối; tăng cường phối hợp, không để xảy ra tình trạng chồng lấn, chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra, điều tra; cải thiện mạnh mẽ hơn nữa môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển"* và *"Các Bộ có thủ tục kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh đã được cắt giảm, đơn giản hóa, phải công bố, công khai trên Cổng Thông tin điện tử của bộ, cơ quan, kiên quyết không làm phát sinh thêm các điều kiện kinh doanh, sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 320/TTg-KSTT ngày 15 tháng 3 năm 2019"*.

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ trực tuyến với các địa phương tháng 6 năm 2019 yêu cầu *"Các bộ, cơ quan chưa hoàn thành phương án cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh khẩn trương hoàn thành việc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án đã được phê duyệt. Các bộ, cơ quan đã cắt giảm phải công bố, công khai kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính và tổ chức thực hiện nghiêm túc như đã công bố"* và *"Các địa phương tổ chức thực hiện nghiêm túc các điều kiện kinh doanh đã được cắt giảm, đơn giản hóa đã được công bố công khai; tiếp tục rà soát, phát hiện, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cắt giảm những điều kiện kinh doanh không cần thiết, gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh"*.

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 13 tháng 08 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2019 yêu cầu các bộ, ngành *"rà soát, tháo gỡ rào cản về điều kiện đầu tư kinh doanh theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh để tiếp tục cải thiện, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, bình đẳng"*.

- Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 09 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019 yêu cầu *"Từng bộ, cơ quan*

khẩn trương rà soát, đề xuất phương án đơn giản, cắt giảm danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh còn chồng chéo, bất cập, hoàn thành trong năm 2019; công bố, công khai các thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa".

- Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2019 yêu cầu các bộ, ngành *"Tiếp tục rà soát, cắt giảm thực chất điều kiện kinh doanh không cần thiết, tổ chức đánh giá kết quả cải thiện môi trường kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, ngành, địa phương mình gắn với thi đua".*

- Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2019 yêu cầu *"tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP , 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 và Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó tiếp tục tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế; cải cách hành chính, tiếp tục cắt, giảm thực chất điều kiện kinh doanh không cần thiết".*

Ngoài ra, cải cách điều kiện kinh doanh được nhấn mạnh tại nhiều cuộc họp của Chính phủ và được nhiều bên tham gia. Có thể nói, cải cách điều kiện kinh doanh là gốc vấn đề quan trọng để tạo lập môi trường kinh doanh thân thiện, thúc đẩy đầu tư và đổi mới sáng tạo.

1.2. Một số nguyên tắc rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện kinh doanh

Khoản 2, Điều 14 Hiến pháp 2013 quy định: "*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.*" Đồng thời, tại Khoản 1, Điều 7 Luật Đầu tư xác định rõ: "*Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*". Khoản 4, Điều 7 Luật Đầu tư xác định: "*Điều kiện đầu tư kinh doanh phải được quy định phù hợp với mục tiêu quy định tại khoản 1 Điều này và phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ của nhà đầu tư*".

Với ý nghĩa đó, nhằm tạo môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi, khuyến khích doanh nghiệp phát triển và sáng tạo, giảm chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp, trong quá trình rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện kinh

doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành cần lưu ý tới một số nguyên tắc sau:

(1) Tôn trọng quyền tự do kinh doanh và sáng tạo của người dân, doanh nghiệp.

(2) Quy định về điều kiện kinh doanh phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về sự cần thiết, hiệu lực, hiệu quả, hợp lý, rõ ràng, cụ thể, chính xác, dễ hiểu, tiên liệu trước được và không trực tiếp hoặc gián tiếp hạn chế quyền tự do kinh doanh, sáng tạo và hạn chế cạnh tranh.

(3) Không can thiệp quá mức vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

(4) Trường hợp quy định về điều kiện kinh doanh thiếu rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau thì áp dụng theo cách hiểu có lợi nhất cho doanh nghiệp.

(5) Trường hợp bổ sung, sửa đổi quy định về điều kiện kinh doanh dẫn đến doanh nghiệp đang kinh doanh phải đầu tư thêm để đảm bảo tuân thủ quy định mới về điều kiện kinh doanh thì doanh nghiệp đó được miễn áp dụng hoặc phải được hỗ trợ tài chính để đảm bảo tuân thủ quy định mới đó.

Có thể nói, những nguyên tắc nêu trên tuy chưa thực sự cụ thể, nhưng cũng tạo cơ sở để các bộ ngành rà soát để kiến nghị ban hành các điều kiện kinh doanh thật sự cần thiết, có ý nghĩa quản lý và vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. Yêu cầu điều kiện kinh doanh được áp dụng "*vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*" là khá trừu tượng, khó xác định rõ ràng, do đó cải cách điều kiện kinh doanh đòi hỏi sự thay đổi về tư duy của cơ quan quản lý nhà nước theo hướng vì lợi ích của cộng đồng và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp thay vì tư duy "quản" để tạo quyền lực.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CẢI CÁCH ĐIỀU KIỆN KINH DOANH 2017-2019

2.1. Thực trạng Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

2.1.1. Một số kết quả đạt được

Theo Điều 8 Luật Đầu tư 2014, "*Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ rà soát các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Điều 7 của Luật này theo thủ tục rút gọn*". Như vậy, Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện sẽ được Chính phủ rà soát và đề xuất sửa đổi tùy theo thực tiễn thực thi và yêu cầu quản lý. Theo Luật Đầu tư 2014, Danh mục này gồm 267 ngành nghề; được sửa đổi, cắt giảm còn 243 ngành nghề (năm 2016). Năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì xây dựng Luật Đầu tư (sửa đổi), trong đó có sửa đổi Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Bộ rà soát, đề xuất cắt giảm Danh mục này. Nguyên tắc rà soát và đề xuất cụ thể như sau:

(1) Rà soát, bãi bỏ các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không đáp ứng tiêu chí gồm:

- Ngành, nghề không liên quan trực tiếp hoặc không chứng minh được có ảnh hưởng trực tiếp tới các nội dung quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng (căn cứ theo khoản 2 Điều 14 Hiếp pháp và khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư);
- Ngành, nghề đã được quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật (QCVN) và tiêu chuẩn kỹ thuật (TCVN);
- Ngành, nghề mà chất lượng đầu ra của ngành, nghề đó do thị trường, khách hàng lựa chọn, sàng lọc và quyết định;
- Các sản phẩm, dịch vụ công có thể lựa chọn, kiểm soát thông qua đấu thầu, đặt hàng của Nhà nước.

(2) Bổ sung các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật mới được Quốc hội thông qua.

Theo đó, dự thảo Luật Đầu tư (sửa đổi) đề xuất bãi bỏ 12 ngành nghề; sửa đổi 19 ngành nghề và bổ sung 6 ngành nghề. Chi tiết các ngành, nghề đầu tư kinh doanh cắt giảm, sửa đổi và bổ sung trình bày trong Bảng 1. Danh mục này dự kiến trình Quốc hội vào kỳ họp tháng 5 năm 2020. Kết quả này cho thấy có cải cách nhất định về Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện với việc bãi bỏ một số ngành, nghề không cần thiết phải quản lý bằng điều kiện kinh doanh. Nhờ

vậy, doanh nghiệp muốn hoạt động đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực đã được cởi trói.

Bảng 1: Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh đề xuất bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung (Danh mục ban hành kèm theo Luật Đầu tư)

STT	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh	Ghi chú
12 ngành, nghề đề xuất bãi bỏ		
1	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài	
2	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ	
3	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LGP)	
4	Nhượng quyền thương mại	
5	Kinh doanh dịch vụ logistic	
6	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản	
7	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư	
8	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng	
9	Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện	
10	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế	
11	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy	
12	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng	
19 ngành, nghề đề xuất sửa đổi		
	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh	**Đề xuất sửa đổi**
1	Môi giới bảo hiểm	Môi giới bảo hiểm, **hoạt động phụ trợ bảo hiểm**
2	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, ~~xuất khẩu, nhập khẩu điện~~, tư vấn chuyên ngành điện lực
3	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma tuý tự nguyện	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma tuý, **cai nghiện thuốc lá; điều trị HIV/AIDS; chăm sóc người cao**

		tuổi, người khuyết tật, trẻ em
4	Kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biển	Kinh doanh vận tải biển, ~~đại lý tàu biển~~
5	Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng	Kinh doanh dịch vụ ~~tổ chức~~ thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
6	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng	Kinh doanh dịch vụ kiểm định ~~chất lượng công trình~~ xây dựng
7	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn"	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ~~".vn"~~
8	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản, **chăn nuôi**
9	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường	Nuôi ~~sinh sản, nuôi sinh trưởng~~ động vật **rừng** ~~hoang dã~~ thông thường
10	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES, **loài thuộc danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm**
11	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES, **loài thuộc danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm**
12	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại	**Chế biến**, kinh doanh, **vận chuyển, quảng cáo, trưng bày, cất giữ mẫu vật của loài động vật, thực vật thuộc Danh mục** thực vật rừng, động vật rừng **nguy cấp, quý hiếm và các Phụ lục CITES**
13	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm	Kinh doanh dịch vụ ~~thử~~ **kiểm** nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y

	thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản)	(bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản)
14	Kinh doanh chăn nuôi tập trung	Kinh doanh chăn nuôi ~~tập trung~~ **trang trại**
15	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	Kinh doanh ~~cơ sở~~ giết mổ gia súc, gia cầm
16	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy, **chăn nuôi**
17	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, ~~định giá~~ **thẩm định giá** và giám định công nghệ
18	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim	Kinh doanh dịch vụ ~~sản xuất~~, phát hành và phổ biến phim
19	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, **cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng**
06 ngành, nghề đề xuất bổ sung		
1	**Kinh doanh dịch vụ kiến trúc**	
2	**Dịch vụ trung tâm lưu trữ dữ liệu**	
3	**Dịch vụ định danh và xác thực điện tử**	
4	**Kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí nhập khẩu**	
5	**Đăng kiểm tàu cá**	
6	**Đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá**	

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), Tờ trình dự thảo Luật Đầu tư (sửa đổi), tháng 10/2019

Như vậy, theo đề xuất này thì dự kiến Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh còn 237 ngành, nghề (giảm 06 ngành nghề so với trước). Từ kết quả trên cho thấy nỗ lực cải cách về điều kiện kinh doanh phần nào được thể hiện trong lĩnh

vực Tài chính, Công Thương, Tư pháp, Y tế, Xây dựng và Khoa học công nghệ thông qua việc kiến nghị cắt bỏ 12 ngành nghề đầu tư kinh doanh không cần thiết phải quản lý bằng điều kiện kinh doanh, không có nguy cơ ảnh hưởng tới an ninh, sức khỏe, trật tự xã hội, đạo đức. Đây là một dấu hiệu thể hiện tư duy tích cực, cải cách và cách hiểu đúng của các Bộ này về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh.

2.1.2. Nhận diện một số hạn chế, bất cập trong Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

a. *Không thống nhất trong xác định ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện:*

Theo quy định của Luật An toàn thực phẩm 2010, quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của 03 Bộ, gồm: Y tế, Công Thương và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, Luật An toàn thực phẩm cũng quy định quản lý an toàn thực phẩm dựa trên quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật. Cụ thể, Khoản 3, 4 Luật An toàn thực phẩm nêu rõ:

"*3. Quản lý an toàn thực phẩm phải trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố áp dụng.*

4. Quản lý an toàn thực phẩm phải được thực hiện trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên cơ sở phân tích nguy cơ đối với an toàn thực phẩm."

Như vậy, Luật An toàn thực phẩm đã quy định rõ, doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm phải đáp ứng các điều kiện để đảm bảo an toàn thực phẩm, chứ không quy định các điều kiện để một doanh nghiệp được kinh doanh thực phẩm. Do đó, việc loại bỏ ngành nghề kinh doanh thực phẩm ra khỏi Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là phù hợp vì an toàn thực phẩm đã được quản lý dựa trên quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật.

Hiện nay, trên cơ sở phối hợp với các Bộ chuyên ngành, Ban soạn thảo dự thảo Luật Đầu tư (sửa đổi) đề xuất bỏ ngành nghề "Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế" ra khỏi Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Điều này là phù hợp với quy định của Luật An toàn thực phẩm và thể hiện đúng tinh thần của Luật Đầu tư.

Tuy vậy, nghiên cứu về Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, các quy định của Luật An toàn thực phẩm và các văn bản liên quan cho thấy có sự bất cập về quy định đối với ngành nghề kinh doanh thực phẩm. Theo Dự thảo Luật Đầu tư (sửa đổi) thì "Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý

chuyên ngành của Bộ Y tế" được đề xuất loại ra khỏi Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; trong khi lĩnh vực "Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương" và "Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" vẫn giữ và không được đề xuất bãi bỏ. Như vậy, cùng một hoạt động kinh doanh là thực phẩm, nhưng có Bộ đề xuất là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, có Bộ thì không xem đó là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Điều này thể hiện tư duy cải cách và cách hiểu không thống nhất của các Bộ, ngành về ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh; đồng thời cũng thể hiện hạn chế về quy định không nhất quán trong các văn bản pháp luật.

b. *Ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện không thỏa mãn các tiêu chí theo quy định*

Theo Khoản 2 Điều 14 Hiếp pháp và Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư thì ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là những ngành nghề có ảnh hưởng trực tiếp tới quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng. Kinh doanh xuất khẩu gạo được quy là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (thứ tự số 55 trong Danh mục). Tuy nhiên, xét về đặc điểm, tính chất của ngành nghề này thì việc quy định là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là không cần thiết, không hiệu quả, thể hiện tư tưởng xin – cho và thiếu đi động lực khuyến khích theo tín hiệu thị trường.

Trong bối cảnh cải cách điều kiện kinh doanh, ngày 15/8/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 107/2018/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo theo hướng cắt giảm các điều kiện kinh doanh, phần nào tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, rào cản trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo của doanh nghiệp, Trên thực tế, sản phẩm gạo xuất khẩu phải phù hợp với yêu cầu của nhà nhập khẩu; phù hợp với các tiêu chí, phương pháp xác định do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế hướng dẫn. Hơn nữa, qua khảo sát doanh nghiệp cho thấy, việc thực thi quy định về kinh doanh xuất khẩu gạo còn mang tính hình thức. Do đó, việc quy định điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề này là không cần thiết, không phù hợp, vì việc xuất khẩu gạo không trực tiếp ảnh hưởng tới an ninh, quốc phòng, sức khỏe, đạo đức, trật tự xã hội. Tại đề xuất về Danh mục (mới đây nhất, tháng 10/2019) thì kinh doanh xuất khẩu gạo vẫn được quy định là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

2.1.3. Một số nhận xét về Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Theo Điều 8, Luật Đầu tư 2014, "*Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ rà soát các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Điều 7 của Luật này theo thủ tục rút gọn.*" Tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật Đầu tư 2014, Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện gồm 267 ngành nghề. Năm 2016, Quốc hội sửa đổi Luật Đầu tư, theo đó Danh mục này còn 243 ngành nghề. Hiện nay, Luật Đầu tư đang được soạn thảo sửa đổi và đề xuất cắt bỏ 12 ngành, nghề; sửa đổi 19 ngành, nghề và bổ sung 6 ngành, nghề (dự thảo tháng 10/2019 – xem Bảng 1). Kết quả này cho thấy có cải cách nhất định về Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện với việc bãi bỏ một số ngành, nghề không cần thiết phải quản lý bằng điều kiện kinh doanh. Nhờ vậy, doanh nghiệp muốn hoạt động đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực đã được cởi trói. Tuy vậy, có một số điểm đáng chú ý từ Danh mục này, cụ thể là:

Thứ nhất, chưa có sự thống nhất về việc xác định ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện. Có ngành, nghề thể hiện một ngành cụ thể, ví dụ như: sản xuất con dấu; kinh doanh súng bắn sơn; kinh doanh xăng dầu;… Nhưng có ngành, nghề chứa đựng nhiều ngành nghề cụ thể bên trong, ví dụ như: Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim; Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường; Hoạt động của nhà xuất bản (bao gồm Điều kiện thành lập nhà xuất bản; Điều kiện hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử;… Vì thế, thực chất Danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện nhiều hơn số lượng theo số thứ tự (mục) tại Danh mục (tức là hiện nay nhiều hơn 243 ngành nghề).

Thứ hai, ngành nghề sửa đổi chủ yếu dưới hình thức sau: (i) bổ sung thêm hoặc bỏ ngành nghề cụ thể trong ngành nghề lớn. Ví dụ, "Môi giới bảo hiểm" sửa thành "Môi giới bảo hiểm, hoạt động phụ trợ bảo hiểm" hoặc "Kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biểu" sửa thành "Kinh doanh vận tải biển",… (trong 19 ngành nghề đề xuất sửa đổi); (ii) chỉnh sửa tên gọi của ngành nghề để phù hợp với tên gọi quy định trong các luật chuyên ngành. Ví dụ, "Kinh doanh chăn nuôi tập trung" sửa thành "Kinh doanh chăn nuôi trang trại" (trong 19 ngành nghề đề xuất sửa đổi);….

2.2. Thực trạng chất lượng điều kiện kinh doanh 2016-2017

2.2.1. Một số kết quả điển hình về cải cách điều kiện kinh doanh

Theo kết quả rà soát độc lập năm 2016 của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, tổng số điều kiện kinh doanh đến hết năm 2016 là khoảng 6000 điều kiện kinh doanh; trong đó khoảng gần 3000 điều kiện kinh doanh không cần thiết,

không rõ ràng, không có hiệu quả về quản lý nhà nước hoặc can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những điều kiện kinh doanh như vậy thường được thể hiện dưới hình thức quy định về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực, quy hoạch,…

Trong năm 2017, mới chỉ có một số ít bộ, ngành thực hiện rà soát và đề xuất phương án cắt giảm, sửa đổi (như Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng). Tới quý II năm 2018, nhìn chung hầu hết các bộ đã nhận thức tầm quan trọng của yêu cầu cải cách này và tiến hành rà soát, đề xuất phương án và xây dựng các dự thảo Nghị định cắt giảm, sửa đổi điều kiện kinh doanh. Cho đến hết năm 2019, hầu hết các Nghị định sửa đổi chung về điều kiện kinh doanh đã được ban hành (dưới hình thức một Nghị định sửa nhiều Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh). Một số bộ, ngành xây dựng và trình dự thảo các Nghị định sửa đổi riêng từng Nghị định, nhưng đến nay vẫn còn một số Nghị định chưa được ban hành (như Nghị định do Bộ Tài chính, Giao thông vận tải chủ trì soạn thảo).

Theo báo cáo tổng hợp của Văn phòng Chính phủ (tháng 5 năm 2019), các bộ, ngành đã trình ban hành 29 văn bản quy phạm pháp luật để chính thức cắt giảm 3.425/6.191 điều kiện kinh doanh (đạt 110,6%, vượt 10,6% so với yêu cầu)[2]. Với tổng hợp này của Văn phòng Chính phủ, nhìn chung các Bộ đã hoàn thành việc cắt bỏ, đơn giản hoá điều kiện đầu tư, kinh doanh trong năm 2018.

Có thể nói, với những chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên của Thủ tướng Chính phủ về cải cách điều kiện kinh doanh đã tạo nên làn sóng cải cách mạnh mẽ trong hai năm 2017-2018. Kết quả trên cho thấy đã giảm bớt phần nào rào cản đầu tư kinh doanh đối với doanh nghiệp. Ngoài ra, cho đến nay, hầu hết các Bộ đã đăng tải công khai các Nghị định sửa đổi Nghị định về điều kiện kinh doanh. Điều đó giúp doanh nghiệp dễ theo dõi, tìm hiểu về yêu cầu đối với ngành nghề muốn đầu tư kinh doanh. Những cải cách về điều kiện kinh doanh chắc chắn có tác động rất tích cực tới môi trường kinh doanh ở nước ta, góp phần củng cố niềm tin của doanh nghiệp; nhờ đó thúc đẩy tăng đầu tư, tạo việc làm và tăng trưởng của nền kinh tế.

2.2.2. Kết quả rà soát độc lập của nghiên cứu

Qua nghiên cứu rà soát và làm việc trực tiếp với một số Bộ, ngành cho thấy có sự khác biệt về cách tính toán số lượng điều kiện kinh doanh. Nghiên cứu này đã thực hiện rà soát độc lập về điều kiện kinh doanh của các Bộ, ngành, theo đó,

[2] Báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính 4 tháng đầu năm 2019.

bước đầu thu được một số kết quả cụ thể như sau (kết quả chi tiết xem tại Phụ lục kèm theo):

- Trung bình, tỷ lệ bãi bỏ, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh đạt 32%[3].
- 02 Bộ đạt vượt mức yêu cầu, gồm: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (73%); Y tế (55%).
- 02 Bộ về cơ bản đạt yêu cầu, gồm: Công Thương (47%); Xây dựng (44%).
- 03 Bộ có kết quả bãi bỏ, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh đạt từ 31-40%, gồm: Lao động thương binh xã hội (40%); Tài nguyên và Môi trường (38%); Giao thông vận tải (36%).
- 05 Bộ đạt kết quả từ 11-30%, gồm: Khoa học và Công nghệ (26%); Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Tài chính (cùng đạt 20%); Giáo dục đào tạo (18%); Thông tin truyền thông (14%).
- 02 Bộ đạt kết quả dưới 10%, gồm: Tư pháp (6%); An ninh quốc phòng (4%).

Chi tiết thể hiện qua Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2: Kết quả rà soát độc lập về cắt giảm điều kiện kinh doanh

TT	Tên Cơ quan	Tỷ lệ bãi bỏ, đơn giản hoá
1	Xây dựng	44%
2	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	20%
3	Thông tin và Truyền thông	14%
4	Khoa học và Công nghệ	26%
5	Giáo dục và Đào tạo	18%
6	An ninh quốc phòng	4%
7	Y tế	55%
8	Công Thương	47%
9	Giao thông vận tải	36%
10	Tài chính	20%
11	Lao động Thương binh và Xã hội	40%
12	Tài nguyên và Môi trường	38%
13	Ngân hàng nhà nước	13%
14	Tư pháp	6%
15	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	73%

Nguồn: Nhóm nghiên cứu rà soát (số liệu đến hết tháng 8/2019)

[3] Kết quả trung bình này không tính số liệu trong lĩnh vực ngân hàng do đây là ngành đặc thù, điều kiện kinh doanh khó cắt giảm theo mục tiêu 50% do yêu cầu đảm bảo an toàn tín dụng và ổn định kinh tế vĩ mô.

Đáng chú ý là theo phương pháp kiểm đếm của một số Bộ thì điều kiện kinh doanh sửa đổi (có thể chỉ là sửa câu chữ, cách diễn đạt, hoặc không tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp,…) nhưng vẫn được tính vào tỷ lệ điều kiện kinh doanh bãi bỏ, đơn giản hoá. Vì vậy, kết quả rà soát của nghiên cứu này có thể có sự khác biệt so với kết quả báo cáo của các Bộ. Tuy nhiên, kết quả nêu trên cũng cho thấy vẫn còn nhiều dư địa để các Bộ, ngành tiếp tục cải cách và cần nỗ lực cải cách thực chất hơn nữa về điều kiện kinh doanh. Bởi vậy, thực hiện nghiên cứu, rà soát, phân tích chi tiết các nội dung quy định hiện hành về điều kiện kinh doanh; từ đó nhận diện các điều kiện kinh doanh không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, không đạt hiệu quả quản lý để tiếp tục kiến nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi là công việc có ý nghĩa.

2.2.3. Nhận xét chung về cải cách điều kiện kinh doanh

Cải cách quy định về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh là trọng tâm của Chính phủ trong những năm qua nhằm dỡ bỏ rào cản gia nhập thị trường, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững. Chính phủ quyết liệt và thường xuyên chỉ đạo các Bộ, ngành cải cách quy định về điều kiện kinh doanh theo hướng tạo thuận lợi thực chất cho doanh nghiệp đồng thời thay đổi phương thức quản lý nhà nước tiệm cận với thông lệ quốc tế (như nguyên tắc thị trường của các nước OECD).

Nhìn chung, đến hết năm 2019, về cơ bản, các điều kiện kinh doanh quy định chung chung, khó tiên liệu, không rõ ràng, trùng lặp đã được cắt giảm. Tuy vậy, vẫn còn các điều kiện kinh doanh gây khó khăn cho doanh nghiệp, nhưng ít ý nghĩa về hiệu quả quản lý nhà nước; hoặc cắt giảm theo hướng hạ thấp mức độ yêu cầu để đảm bảo yêu cầu về đơn giản hóa hơn là cắt bỏ quy định, cải cách thực chất vì doanh nghiệp; hoặc cắt bỏ các quy định, thủ tục ít gây khó, trong khi vẫn giữ lại những thủ tục tạo quyền lực hoặc khó cho doanh nghiệp;…

Nghị quyết số 02 yêu cầu các Bộ tiếp tục rà soát, trình Chính phủ bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh không rõ ràng, không cụ thể, không khả thi. Đến nay, mới chỉ có Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi về điều kiện kinh doanh (Nghị định số 17/2020/NĐ-CP[4]). Ngoài ra, về cơ bản, các Bộ, ngành chưa lên phương án trình Quốc hội sửa các luật có quy định bất cập về điều kiện kinh doanh[5].

[4] Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

[5] Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; phục vụ Hội nghị Chính phủ với địa phương (tháng 12/2019).

Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ thực thi đầy đủ, triệt để những cải cách về điều kiện kinh doanh đã thực hiện trong năm 2018. Tuy vậy, qua khảo sát thực tế cho thấy hầu hết các Bộ mới chỉ đăng tải công khai các điều kiện kinh doanh sau khi cắt giảm, nhưng chưa có hướng dẫn, tập huấn cho các địa phương hoặc đơn vị thực thi và doanh nghiệp về những cải cách cắt giảm điều kiện kinh doanh; cũng như chưa theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả, hiệu lực thực thi những cải cách này. Hầu hết các Sở, ngành ở địa phương đều lúng túng khi được hỏi về những cải cách điều kiện kinh doanh. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa thực sự cảm nhận được kết quả cải cách về điều kiện kinh doanh. Kết quả khảo sát của Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam cho thấy ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh vẫn là trở ngại đối với doanh nghiệp khi có tới 48% số doanh nghiệp được khảo sát phải xin giấy phép kinh doanh có điều kiện, trong đó 34% doanh nghiệp phải hồi gặp khó khăn khi xin giấy phép.

2.3. Nhận diện cụ thể một số bất cập, hạn chế về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và chất lượng điều kiện kinh doanh

2.3.1. Một ngành nghề, nhưng nhiều Bộ quản lý với các yêu cầu khác nhau về điều kiện kinh doanh

"Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động" là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (nêu tại mục 71 trong Danh mục 243 ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư).

Trước năm 2016, để kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, các doanh nghiệp xin cấp phép tại Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Với việc Chính phủ ban hành Nghị định số 44/2016/NĐ-CP[6], doanh nghiệp phải chịu sự quản lý và xin cấp phép bởi 10 Bộ với các điều kiện kinh doanh gần tương đồng, thậm chí trùng nhau. Nghị định này phân công thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho 10 Bộ quản lý chuyên ngành (gồm: Lao động Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải, Quốc phòng, Công an, Y tế).

Có thể nói, trong khi các lĩnh vực khác sửa đổi, điều chỉnh theo hướng gộp một đầu mối quản lý, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; thì kinh doanh dịch vụ kiểm

[6] Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

định kỹ thuật an toàn lao động lại đi ngược cải cách, thể hiện tư tưởng chia phần quản lý giữa các cơ quan quản lý nhà nước, gây khó khăn hơn cho doanh nghiệp, thậm chí dồn doanh nghiệp vào tình trạng đóng cửa. Do vậy, qua khảo sát doanh nghiệp cho thấy cần nhìn nhận thực tế về tình hình hoạt động an toàn lao động để đánh giá tính hiệu quả của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP. Có nhiều vấn đề doanh nghiệp băn khoăn và cần được giải đáp, đó là:

- Hiện nay, tình hình an toàn lao động, vệ sinh lao động trên toàn quốc có tốt hơn kể từ khi Nghị định số 44/2016/NĐ-CP được ban hành, hay vẫn như trước đây?

- Có thống kê nào cho thấy số vụ tai nạn lao động, mất an toàn có chiều hướng giảm hơn hay không giảm kể từ khi ban hành Nghị định số 44/2016/NĐ-CP?

- Doanh nghiệp hoạt động có nề nếp hơn, thuận lợi hơn hay không, có ủng hộ hay bất bình với Nghị định này?

- Khi soạn thảo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP thì sự phối hợp giữa các Bộ như thế nào? Có tham khảo ý kiến các thành phần xã hội, doanh nghiệp bị điều chỉnh, chi phối, ảnh hưởng hay không? Chính phủ hoặc các Bộ có phối hợp đánh giá tổng quát về quản lý an toàn, vệ sinh lao động trước đây để rút ra những bài học kinh nghiệm về quản lý, về thực tiễn thực hiện, những vấn đề đạt được, những vấn đề chưa được để ban hành Nghị định số 44/NĐ-CP sát hơn, thực tế hơn với nhu cầu và phát triển sản xuất hay không?

- Đã có nước nào có cách quản lý tương tự như Việt Nam hay không khi mà cùng một đối tượng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, có cùng tên gọi, được áp dụng cùng tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn nhưng lại cùng lúc nhiều bộ quản lý và doanh nghiệp phải đi xin giấy phép từ nhiều Bộ?.

Dường như, những băn khoăn này của doanh nghiệp chưa được các Bộ giải đáp, điều này thể hiện những thiếu hụt về cơ sở sự cần thiết và hợp lý khi ban hành Nghị định số 44/2016/NĐ-CP và các văn bản về điều kiện kinh doanh liên quan tới kiểm định an toàn lao động. Theo góc nhìn của doanh nghiệp thì Nghị định số 44/2016/NĐ-CP đi ngược cải cách, thể hiện phân chia quyền lợi quản lý, tạo thêm rào cản kinh doanh quá mức, đẩy doanh nghiệp vào tình trạng đầy rủi ro. Dưới đây là một số lập luận cho nhận định này:

Thứ nhất, với Nghị định này, cùng một lĩnh vực hoạt động, nhưng các doanh nghiệp phải thực hiện xin nhiều giấy phép con của 10 bộ, ngành như Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực kiểm định an toàn lao động, Chứng chỉ kiểm định viên, Chứng chỉ hành nghề tại các Bộ được phân cấp.

Thứ hai, việc ban hành Nghị định thiếu tính thuyết phục, thiếu tính khoa học, gây khó khăn, tốn kém cho doanh nghiệp. Nghị định đã mở rộng thêm các đối tượng quản lý, bổ sung một loạt các loại thiết bị rất thông dụng, bình thường vào diện phải kiểm định để quản lý và thu phí, trong khi doanh nghiệp hoàn toàn có thể quản lý được các thiết bị này. Hơn nữa, công cụ pháp lý để quản lý cho các đối tượng này (như Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật) chưa có, hoặc có nhưng đã quá lạc hậu, không còn phù hợp với thực tế. Đơn cử như: Bơm phun thuốc trừ sâu đeo vai; Máy cắt bụi cây và xén cỏ cầm tay; Máy gieo hạt; Máy cấy; Máy kéo dùng trong nông lâm nghiệp; Thiết bị làm đất dẫn động cơ giới; Máy phun thuốc sâu và phân phối phân bón lỏng; Máy cắt cỏ; Máy liên hợp thu hoạch lúa, mía, ngô; máy thu hoạch cây thức ăn gia súc và máy thu hoạch bông; Máy đóng kiện rơm, cỏ; Cột chống thủy lực; Máy thi công công trình hầm, ngầm; Máy và thiết bị trong các công nghệ đào hở; Máy và thiết bị trong các công nghệ đào kín; Máy thi công tuyến ngầm bằng công nghệ khiên và tổ hợp khiên; Máy sản xuất bê tông công trình ngầm; Hệ giàn giáo thép; thanh, cột chống tổ hợp; Máy bơm bê tông; Hệ thống cốp pha trượt; Hệ thống cốp pha leo…

Thứ ba, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP giao quyền quản lý về kiểm định an toàn lao động cho 10 Bộ. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, các quy chuẩn, quy trình, biểu mẫu,… về kiểm định an toàn lao động giống nhau, nhưng các Bộ không thừa nhận kết quả của nhau mà vẫn yêu cầu tham gia đào tạo lại để được cấp chứng chỉ.

Thứ tư, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ban hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016, song trong quá trình thực thi dường như các Bộ liên quan được phân cấp quản lý chưa có sự chuẩn bị nghiêm túc, chưa ban hành đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình kỹ thuật. Có tình trạng các Bộ chưa ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình kỹ thuật theo quy định; hoặc chỉ thuần tuý sao chép tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình đã sẵn có về kiểm định an toàn lao động, sau đó đổi mã tiêu chuẩn, quy chuẩn cũ sang mã tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ mình ban hành. Thậm chí, một số Bộ chưa có quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thì soạn thảo một cách sơ sài, nhiều sai sót kỹ thuật, dẫn tới không áp dụng được, gây lúng túng, khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thực hiện, chấp hành luật pháp.

Đơn cử như, Bộ Xây dựng ban hành 06 quy trình thì có 03 quy trình sao chép nguyên từ quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. 03 quy trình sao chép từ quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, gồm: (i) Quy trình kiểm định cần trục tháp; (ii) Quy trình kiểm định vận thăng; và (iii) Quy trình kiểm định sàn treo. Có 03 quy trình được Bộ Xây dựng soạn mới, gồm: (i) Quy trình kiểm định máy khoan, máy đóng cọc; (ii) Quy trình kiểm định cần cấp phối bê

tông độc lập; và (iii) Quy trình kiểm định hệ thống cốp pha trượt. Theo phản ánh của doanh nghiệp, trong 03 quy trình soạn mới thì có 02 quy trình bị sai và không thể thực hiện được là Quy trình kiểm định cốp pha trượt và Quy trình kiểm định cần cấp phối bê tông độc lập (sai ở phần thử tải và không thể thực hiện được). Tuy nhiên, cho đến nay, các quy trình này vẫn buộc các doanh nghiệp phải thực hiện.

Thứ năm, Nghị định này cho thấy sự phân chia, thỏa hiệp về quyền quản lý đối với hoạt động kiểm định an toàn lao động. Có thể dẫn ra một số ví dụ cụ thể sau đây:

(1) Cùng là cần trục bánh lốp, bánh xích, cần trục tháp, thuộc cùng một nhóm đối tượng thiết bị có cùng tên gọi là Thiết bị nâng, cùng được áp dụng một tiêu chuẩn an toàn TCVN 4244:2005[7] và quy chuẩn an toàn QCVN 7:2012/BLĐTBXH[8]. Tuy nhiên, Bộ Xây dựng thì quản lý cần trục tháp, các cần trục còn lại thì thuộc quyền quản lý của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Khi các đối tượng thiết bị này vào làm việc tại cảng hàng không, cảng thủy, nhà máy đóng tàu, nhà máy sửa chữa tàu thì lại thuộc quyền quản lý của Bộ Giao thông vận tải. Từ sự phân cấp quản lý này của Nghị định 44/2016/NĐ-CP thì doanh nghiệp muốn kinh doanh hoạt động dịch vụ kiểm định Thiết bị nâng phải xin giấy phép đồng thời ở cả 3 Bộ nêu trên. Kiểm định viên muốn hành nghề thì phải đi học nghiệp vụ kiểm định cùng một loại thiết bị tại cả 3 Bộ này.

(2) Nồi hơi, có cùng tiêu chuẩn an toàn là: TCVN 7704:2007 về Nồi hơi - Yêu cầu kỹ thuật về thiết kế, kết cấu, chế tạo, lắp đặt, sử dụng và sửa chữa; TCVN 6413:1998 về Nồi hơi cố định ống lò ống lửa cấu tạo hàn; và có cùng quy chuẩn an toàn là QCVN: 01-2008/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn lao động nồi hơi và bình chịu áp lực do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành. Nhưng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội thì quản lý nồi hơi có áp suất không quá 16 bar và Bộ Công Thương thì quản lý loại lớn hơn 16 bar. Bởi quy định này, doanh nghiệp và kiểm định viên muốn có giấy phép thì phải thực hiện xin cấp phép ở cả hai Bộ này.

(3) Máy điều hòa nhiệt độ: máy có công suất nhỏ hơn 9000 BTU thuộc quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (theo Quyết định số 3482/QĐ-BKHCN ngày 8/12/2017); trong khi máy có công suất lớn hơn 9000 BTU thuộc quản lý của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (theo Thông tư số 22/2018/TT-BLĐTBXH ngày 6/12/2018).

[7] Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4244:2005 về thiết bị nâng - thiết kế, chế tạo và kiểm tra kỹ thuật do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

[8] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thiết bị nâng của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30/03/2012.

Còn nhiều nhóm đối tượng cũng trong tình trạng quản lý chồng chéo, trùng lắp về kiểm định an toàn lao động như các thiết bị thuộc lĩnh vực gas, khí hóa lỏng, các loại khí khác,... Cách phân chia quyền quản lý như vậy gây bức xúc lớn cho doanh nghiệp, dẫn tới những bất bình và mất lòng tin vào cải cách của các cơ quan quản lý nhà nước. Bởi thế, nhiều băn khoăn của doanh nghiệp được nêu ra như liệu các cơ quan soạn thảo văn bản xây dựng chính sách dựa trên tiêu chí nào? Pháp luật bảo vệ quyền của cơ quan quản lý nhà nước thay vì sự phát triển của doanh nghiệp?

Thứ sáu, theo phản ánh của cộng đồng doanh nghiệp, việc cấp phép về kiểm định an toàn lao động ở một số bộ, ngành chưa được thực hiện công khai. Do đó, có sự hoài nghi về sự tồn tại của các "doanh nghiệp sân sau", dẫn tới xung đột lợi ích và cạnh tranh không công bằng. Đơn cử như Bộ Giao thông vận tải không thực hiện công khai các chương trình huấn luyện kiểm định viên cũng như quy trình kiểm định và cấp phép.

2.3.2. Một số điều kiện kinh doanh cắt giảm chưa thực chất

Theo báo cáo của các Bộ, ngành thì đến hết năm 2019, về cơ bản các Bộ, ngành đã hoàn thành đạt hoặc vượt kế hoạch mục tiêu đề ra (cắt bỏ, đơn giản hóa 50% số điều kiện kinh doanh). Tuy vậy, phần phân tích dưới đây cho thấy ở một số bộ, ngành, việc cắt giảm điều kiện kinh doanh chưa đảm bảo thực chất.

(1) Cải cách điều kiện kinh doanh trong một số lĩnh vực chủ yếu dưới hình thức giảm mức độ yêu cầu về số lượng nhân sự hoặc giảm yêu cầu về quy mô diện tích của cơ sở vật chất, nhưng ít cắt bỏ quy định về điều kiện kinh doanh. Đơn cử như sau:

– Điều kiện kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đối với tổ chức huấn luyện:

Quy định trước đây: "*Có ít nhất **05** người huấn luyện cơ hữu huấn luyện nội dung chuyên ngành, thực hành; trong đó có ít nhất **03** người huấn luyện chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện và **01** người huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động*".

Quy định hiện nay: "*Có ít nhất **04** người huấn luyện cơ hữu huấn luyện nội dung pháp luật nội dung nghiệp vụ, trong đó có **01** người huấn luyện nội dung chuyên ngành, thực hành phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện, **01** người huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động*".

– Điều kiện cấp GCN đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (trình độ sơ cấp)

Quy định trước đây: "*… bảo đảm tỷ lệ học sinh quy đổi trên giáo viên quy đổi tối đa là 25 học sinh/giáo viên; đối với các nghề yêu cầu về năng khiếu, bảo đảm tỷ lệ học sinh quy đổi trên giáo viên quy đổi tối đa là 15 học sinh/giáo viên; có giáo viên cơ hữu cho nghề tổ chức đào tạo*".

Quy định hiện nay: *"... bảo đảm tỷ lệ học sinh quy đổi trên giáo viên quy đổi tối đa là 25 học sinh/giáo viên, có giáo viên cơ hữu cho nghề tổ chức đào tạo*".

– Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

Quy định trước đây: "*Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là* ***5,5 - 7,5 m^2/chỗ học***."

Quy định hiện nay: "*Có phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo, quy mô đào tạo của từng ngành, nghề. Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là* ***5,5 m^2/chỗ học***".

(2) Điều kiện kinh doanh sửa đổi mang tính hình thức, không có ý nghĩa cải cách:

– Điều kiện thành lập cơ sở giáo dục :

Quy định trước đây: "*Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp là 1.000 m^2; đối với trường trung cấp là 20.000 m^2; đối với trường cao đẳng là 50.000 m^2*".

Quy định hiện nay: "*Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo diện tích đất sử dụng tối thiểu của trung tâm giáo dục nghề nghiệp là 1000 m2; của trường trung cấp là 10.000 m2 đối với khu vực đô thị và 20.000 m2 đối với khu vực ngoài đô thị; của trường cao đẳng là 20.000 m2 đối với khu vực đô thị và 40.000 m2 đối với khu vực ngoài đô thị*".

– Điều kiện thành lập nhà xuất bản:

Quy định trước đây: "*Trụ sở của nhà xuất bản có diện tích từ 200 mét vuông (m2) sử dụng trở lên*".

Quy định hiện nay: "*Trụ sở của nhà xuất bản* ***có diện tích phù hợp****, đáp ứng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc*".

– Điều kiện hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử (điều kiện Nhân lực kỹ thuật để điều hành, quản lý quá trình xuất bản điện tử):

Quy định trước đây: "*Được đào tạo về công nghệ thông tin và có thâm niên công tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin ít nhất 01 năm; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt*".

Quy định hiện nay: "*Được đào tạo về công nghệ thông tin*".

2.3.3. Điều kiện kinh doanh quy định không cần thiết, bất hợp lý, tạo gánh nặng thủ tục cho doanh nghiệp

Mặc dù các Bộ, ngành đã đề xuất cắt bỏ, đơn giản hóa nhiều điều kiện kinh doanh, song trong nội dung điều kiện hiện hành vẫn còn tồn tại nhiều quy định về điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý và tạo gánh nặng thủ tục cho doanh nghiệp. Đơn cử như một số điều kiện kinh doanh được nêu dưới dây:

– Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong đó có quy định: "*Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là **06 m^2/người** đối với đào tạo trình độ trung cấp và **08 m^2/người** đối với đào tạo trình độ cao đẳng*". Không rõ mục tiêu quản lý nhà nước trong quy định này là gì khi yêu cầu đảm bảo diện tích ít nhất là **06 m^2/người** đối với đào tạo trình độ trung cấp và **08 m^2/người** đối với đào tạo trình độ cao đẳng. Không lẽ cán bộ đào tạo trình độ cao đẳng lại cần diện tích to hơn so với đào tạo trình độ trung cấp. Đây là điều kiện kinh doanh bất hợp lý, tạo gánh nặng thủ tục cho doanh nghiệp và cần bãi bỏ.

– Điều kiện kinh doanh: Giấy phép bưu chính được quy định tại Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính. Theo đó, Sở Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép bưu chính đối với trường hợp cung ứng dịch vụ thư trong phạm vi nội tỉnh (Khoản 1, Điều 6); Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép bưu chính đối với các trường hợp cung ứng dịch vụ thư trong phạm vi liên tỉnh, quốc tế (Khoản 2, Điều 6). Vì tính chất của dịch vụ thư tín hoạt động không chỉ nội tỉnh mà liên tỉnh và quốc tế, nên hầu hết đều phải nộp hồ sơ tới Bộ Thông tin và Truyền thông. Theo phản ánh của các doanh nghiệp, quy định này gây khó khăn rất nhiều cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, để được cấp Giấy phép bưu chính, doanh nghiệp phải đáp ứng rất nhiều quy định về điều kiện kinh doanh (Điều 6), gồm 11 loại văn bản giấy tờ (xem Hộp 1). Trong đó, có nhiều điều kiện kinh doanh không phù hợp, không có ý

nghĩa quản lý, can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đơn cử như: Phương án kinh doanh; Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;…

Hộp 1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bưu chính

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bưu chính được lập thành 03 bộ, trong đó 01 bộ là bản gốc, 02 bộ là bản sao do doanh nghiệp tự đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao.
2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bưu chính gồm:
a) Giấy đề nghị giấy phép bưu chính (theo mẫu tại Phụ lục I);
b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động bưu chính hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoạt động bưu chính tại Việt Nam do doanh nghiệp tự đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao;
c) Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp (nếu có);
d) Phương án kinh doanh;
đ) Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;
e) Mẫu biểu trưng, nhãn hiệu, ký hiệu đặc thù hoặc các yếu tố thuộc hệ thống nhận diện của doanh nghiệp được thể hiện trên bưu gửi (nếu có);
g) Bảng giá cước dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;
h) Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;
i) Quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại, quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, thời hạn giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;
k) Thỏa thuận với doanh nghiệp khác, đối tác nước ngoài bằng tiếng Việt, đối với trường hợp hợp tác cung ứng một, một số hoặc tất cả các công đoạn của dịch vụ bưu chính đề nghị cấp phép;
l) Tài liệu đã được hợp pháp hóa lãnh sự chứng minh tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài quy định tại điểm k khoản 2 Điều này.
3. Phương án kinh doanh, gồm các nội dung chính sau:
a) Thông tin về doanh nghiệp gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử (e-mail) của trụ sở giao dịch, văn phòng đại diện, chi nhánh, trang tin điện tử (website) của doanh nghiệp (nếu có) và các thông tin liên quan khác;
b) Địa bàn dự kiến cung ứng dịch vụ;

c) Hệ thống và phương thức quản lý, điều hành dịch vụ;
d) Quy trình cung ứng dịch vụ gồm quy trình chấp nhận, vận chuyển và phát;
đ) Phương thức cung ứng dịch vụ do doanh nghiệp tự tổ chức hoặc hợp tác cung ứng dịch vụ với doanh nghiệp khác (trường hợp hợp tác với doanh nghiệp khác, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép bưu chính phải trình bày chi tiết về phạm vi hợp tác, công tác phối hợp trong việc bảo đảm an toàn, an ninh, giải quyết khiếu nại và bồi thường thiệt hại cho người sử dụng dịch vụ);
e) Các biện pháp bảo đảm an toàn đối với con người, bưu gửi, mạng bưu chính và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính;
g) Phân tích tính khả thi và lợi ích kinh tế - xã hội của phương án thông qua các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, chi phí, số lượng lao động, thuế nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ hoàn vốn đầu tư trong 03 năm tới kể từ năm đề nghị cấp phép.

(Theo Điều 6, Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính)

2.3.4. Điều kiện kinh doanh nằm trong điều kiện kinh doanh

Rà soát các quy định về điều kiện kinh doanh cho thấy có tình trạng điều kiện kinh doanh nằm trong điều kiện kinh doanh. Ví dụ như điều kiện cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/1/2016 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh truyền hình. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 12, doanh nghiệp muốn được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền cần đáp ứng 08 điều kiện kinh doanh, trong đó điều kiện kinh doanh "*Có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc có thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; có xác nhận đăng ký tên miền ".vn" hoặc địa chỉ Internet xác định để cung cấp dịch vụ đến thuê bao đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này*" (điểm c). Để có được Giấy phép thiết lập mạng viễn thông thuộc ngành nghề kinh doanh khác thì doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh tương ứng. Như vậy, trong trường hợp này điều kiện kinh doanh chứa đựng nhiều điều kiện kinh doanh khác, chứ không chỉ đơn thuần là 8 điều kiện như trong quy định.

Hộp 2. Điều kiện cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Là doanh nghiệp Việt Nam. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được sự chấp thuận về chủ trương của Thủ tướng Chính phủ;
b) Có phương án cung cấp dịch vụ phù hợp với quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình, quy hoạch truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình và các quy hoạch khác trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử;
c) Có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc có thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; có xác nhận đăng ký tên miền ".vn" hoặc địa chỉ Internet xác định để cung cấp dịch vụ đến thuê bao đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này;
d) Có các phương án: Bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; dự báo và phân tích thị trường dịch vụ; kế hoạch kinh doanh và giá cước dịch vụ, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 (hai) năm đầu tiên; văn bản chứng minh vốn điều lệ hoặc văn bản giá trị tương đương đáp ứng yêu cầu triển khai cung cấp dịch vụ theo dự toán;
đ) Có phương án thiết lập trung tâm thu phát tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài tập trung ở một địa điểm, trừ các kênh chương trình thuộc danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương, gồm: Thiết kế kỹ thuật hệ thống thiết bị xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn, thiết bị quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung;
e) Có phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch vụ và quyền lợi của thuê bao;
g) Có dự kiến danh mục kênh chương trình trong nước (trừ các kênh chương trình quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định này), kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo các văn bản chấp thuận của đơn vị cung cấp nội dung;
h) Có văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phù hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

(Theo Điều 12, Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/1/2016 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh truyền hình)

Ngoài ra, việc yêu cầu các doanh nghiệp phải đáp ứng yêu cầu "Có văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phù hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định này" (điểm h, khoản 1, Điều 12, Nghị định số 06/2016/NĐ-CP) cũng bao gồm điều kiện kinh doanh. Để có được các văn bản thỏa thuận này, doanh nghiệp phải đi xin sự đồng ý của nhiều bên liên quan để đảm bảo đủ gói dịch vụ cơ bản bao gồm các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của Nhà nước mà doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải cung cấp đến thuê bao và phải được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Hộp 3. Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được tổ chức thành các gói dịch vụ và dịch vụ được quy định, như sau:

1. Gói dịch vụ cơ bản là gói dịch vụ bao gồm các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của Nhà nước mà doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải cung cấp đến thuê bao và phải được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Cụ thể:

a) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia phải cung cấp đến tất cả các thuê bao;

b) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương phải được cung cấp đến các thuê bao truyền hình trả tiền trên địa phương nơi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo địa bàn hành chính, trừ trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền sử dụng công nghệ truyền dẫn phát sóng không có khả năng chèn hoặc thay thế kênh chương trình;

c) Điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu thực hiện theo thỏa thuận giữa đơn vị cung cấp nội dung và đơn vị cung cấp dịch vụ lấy từ Tổng khống chế của đơn vị cung cấp nội dung hoặc từ một địa điểm có vị trí thuận lợi, gần nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật, do đơn vị cung cấp nội dung chịu trách nhiệm để bảo đảm chất lượng tín hiệu và tiết kiệm chi phí truyền dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ.

(Theo Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/1/2016 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh truyền hình)

2.3.5. Điều kiện kinh doanh thiếu rõ ràng, có thể dẫn tới sự tùy ý của cơ quan quản lý nhà nước, gây bất lợi cho doanh nghiệp

Thực tế rà soát điều kiện kinh doanh hiện hành của các bộ, ngành cho thấy vẫn còn những điều kiện kinh doanh thiếu rõ ràng, có thể dẫn tới sự tùy ý của cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực thi, và tạo rủi ro bất lợi cho doanh nghiệp. Đơn cử như:

- Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn", trong đó yêu cầu doanh nghiệp đáp ứng điều kiện sau: "*Có đủ năng lực về nhân sự, kỹ thuật phù hợp với quy mô hoạt động để triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền*". Vậy như thế nào là đủ năng lực nhân sự, kỹ thuật phù hợp. Quy định chung chung, không minh bạch, không cụ thể như trên có thể dẫn đến sự tùy ý trong quyết định của cơ quan quản lý nhà nước, đẩy doanh nghiệp vào khó khăn khi thực hiện xin cấp phép.

- Điều kiện thành lập nhà xuất bản, trong đó có quy định: "*Có đủ trang thiết bị để tổ chức xuất bản*". Quy định này là thiếu rõ ràng, thiếu minh bạch và khó cho doanh nghiệp để thực thi.

2.3.6. Điều kiện kinh doanh dưới hình thức quy định về chứng chỉ do cơ quan quản lý nhà nước cấp còn khá phổ biến

Thời gian qua, các Bộ, ngành có cải cách quy định về điều kiện kinh doanh và đã được ghi nhận tích cực trong một số lĩnh vực. Tuy nhiên, những bất cập trong các quy định về chứng chỉ do cơ quan quản lý nhà nước cấp dường như chậm được cải cách và chần chừ cắt bỏ. Theo đó, các cá nhân đều phải tham gia các khóa đào tạo do các cơ quản lý nhà nước tổ chức và cấp chứng chỉ. Một số Bộ, ngành thậm chí không quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, song vẫn có các yêu cầu về đào tạo và cấp chứng chỉ. Trong một số lĩnh vực như xây dựng, các yêu cầu về chứng chỉ là khá phổ biến. Việc quy định về chứng chỉ đôi khi mang tính hình thức hơn là năng lực thực chất.

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CẢI CÁCH ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Có thể nói, cải cách các quy định về điều kiện kinh doanh trong thời gian qua đã có những kết quả bước đầu tích cực. Đến hết năm 2019, về cơ bản, các điều kiện kinh doanh quy định chung chung, khó tiên liệu, không rõ ràng, trùng lặp đã được cắt giảm. Tuy nhiên, sự quan tâm và quyết liệt của các Bộ, ngành trong việc thực hiện nhiệm vụ này không đồng đều. Hơn nữa, trong các quy định hiện hành, vẫn còn các điều kiện kinh doanh không cần thiết, không hợp lý, ít ý nghĩa về hiệu quả quản lý nhà nước, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Trong nhiều trường hợp, cắt giảm điều kiện kinh doanh theo hướng hạ thấp mức độ yêu cầu để đảm bảo đơn giản hóa hơn là cắt bỏ quy định, cải cách thực chất vì doanh nghiệp; hoặc cắt bỏ các quy định, thủ tục ít gây khó, trong khi vẫn giữ lại những thủ tục tạo quyền lực hoặc khó cho doanh nghiệp;… Để thực thi hiệu quả, thực chất cải cách điều kiện kinh doanh, cần tập trung một số giải pháp cụ thể sau đây:

3.1. Nhóm giải pháp chung

Trong gian đoạn tới, cần tạo đột phá mới trong cải cách điều kiện kinh doanh, thay đổi cách thức quản lý nhà nước về điều kiện kinh doanh; chuyển mạnh sang hậu kiểm. Theo đó, quản lý nhà nước về điều kiện kinh doanh dựa trên nguyên tắc sau đây:

- Doanh nghiệp được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh khi đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu về điều kiện kinh doanh; chỉ cần thông báo mà không cần phải xin phép cơ quan quản lý nhà nước; Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về việc đáp ứng các yêu cầu về điều kiện kinh doanh;

- Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện kiểm tra hậu kiểm (khi doanh nghiệp đi vào hoạt động) trên cơ sở nguyên tắc quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và dựa trên mối nguy của hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Hoạt động hậu kiểm được thực hiện trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; song cần tuân thủ nguyên tắc quản lý rủi ro; có cơ chế giám sát hoạt động thanh tra, kiểm tra; thiết lập kênh ghi nhận phản hồi từ doanh nghiệp một cách công khai, minh bạch và đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp;

- Rà soát, đánh giá sự cần thiết của việc yêu cầu về đào tạo và cấp chứng chỉ; thực hiện xã hội hóa các hoạt động này; hạn chế tình trạng đổ dồn về cơ quan cấp Bộ thực hiện đào tạo và cấp chứng chỉ;

- Thực hiện phân cấp mạnh mẽ cho cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương trong việc quản lý doanh nghiệp tuân thủ các quy định về điều kiện kinh doanh;

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; kết nối, chia sẻ dữ liệu, thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý việc thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2. Nhóm giải pháp đối với các bộ, ngành

- Nghiêm túc thực hiện theo đúng mục tiêu và chỉ đạo của Chính phủ về các mục tiêu và giải pháp cải cách điều kiện kinh doanh. Có phương án cắt giảm cụ thể và phải bảo đảm nguyên tắc việc cắt giảm, sửa đổi hoặc bãi bỏ phải thực chất, không cắt giảm, bãi bỏ hoặc sửa đổi theo kiểu cơ học thuần túy; không cắt giảm, bãi bỏ cái này lại bổ sung cái khác.

- Cập nhật và công bố, công khai các thủ tục hành chính liên quan đến cấp các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa trong năm 2018 và 2019; công khai bảng so sánh các điều kiện kinh doanh trước và sau khi bãi bỏ, đơn giản hoá. Với các thủ tục hành chính liên quan đến cấp các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đơn giản hóa từ năm 2020 trở đi, thực hiện nghiêm việc công bố, công khai theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi các quy định theo hướng: bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không cần thiết, không hợp lý, thiếu rõ ràng; đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thực thi, đồng thời đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước và nâng cao năng lực cán bộ.

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các luật có liên quan để bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh được quy định tại các luật chuyên ngành theo phương án đã được phê duyệt.

- Đối với các lĩnh vực có sự chồng chéo trong quản lý nhà nước về điều kiện kinh doanh thì thống nhất một đầu mối quản lý; ban hành đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (phù hợp với đặc tính kỹ thuật) để đảm bảo thực thi minh bạch, hiệu quả các quy định về điều kiện kinh doanh.

- Nghiên cứu, rà soát các quy định về cấp chứng chỉ; bãi bỏ các chứng chỉ không cần thiết. Với các ngành nghề cần chứng chỉ thì phân cấp đào tạo cho các tổ

chức đáp ứng đủ yêu cầu về đào tạo liên quan, tránh tình trạng chỉ tập trung về cơ quan cấp Bộ đào tạo và cấp chứng chỉ.

- Tổ chức hướng dẫn, cập nhật các quy định về điều kiện kinh doanh cho các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương và doanh nghiệp. Đồng thời, tổ chức đối thoại thường xuyên với các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước cấp địa phương để nhận diện các vấn đề bất cập trong quá trình thực thi, từ đó kịp thời điều chỉnh chính sách tương ứng nhằm tạo động lực và khuyến khích doanh nghiệp phát triển.

3.3. Nhóm giải pháp đối với các địa phương

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo dõi, chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời cập nhật các quy định về điều kiện kinh doanh; không được yêu cầu thực thi các quy định về điều kiện kinh doanh đã bị bãi bỏ; thực thi đầy đủ những nội dung được đơn giản hóa của các quy định về điều kiện kinh doanh; không tự đặt thêm điều kiện kinh doanh dưới mọi hình thức; xử lý nghiêm những cán bộ, công chức không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định mới về điều kiện kinh doanh.

- Tổ chức đối thoại thường xuyên với các doanh nghiệp để nhận diện những vướng mắc, bất cập về môi trường kinh doanh nói chung và thực thi điều kiện kinh doanh nói riêng, từ đó đề xuất, kiến nghị sửa đổi các quy định pháp luật liên quan.

- Thực hiện các hoạt động tuyên truyền; tổ chức các phong trào thi đua; tìm kiếm các sáng kiến nâng cao hiệu quả thực thi công vụ trong các sở, ban, ngành. Khuyến khích các phản hồi từ doanh nghiệp về thực hiện thủ tục hành chính để nâng cao trách nhiệm công vụ trong cán bộ công chức nhà nước.

- Thúc đẩy mạnh mẽ dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, cấp 4. Kết nối liên thông các thủ tục giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

3.4. Nhóm giải pháp đối với doanh nghiệp

- Tham gia tích cực, chủ động vào quá trình hoạch định chính sách của các bộ, ngành thông qua việc đóng góp cho các dự thảo văn bản pháp lý về điều kiện kinh doanh và tham gia thảo luận tại các hội thảo về nội dung liên quan.

- Kịp thời phản ánh các vấn đề vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực thi; từ đó kiến nghị tới các Bộ, ngành liên quan.

- Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế tốt (nếu có) về quản lý đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh.

- Hiệp hội doanh nghiệp như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện các đánh giá độc lập về tình hình và kết quả cải cách cải thiện môi trường kinh doanh theo từng lĩnh vực; nhận diện các vấn đề bất cập và đề xuất kiến nghị.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu nghiên cứu

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018), Tình hình và kết quả thực hiện rà soát, cắt giảm và bãi bỏ điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, Tài liệu phục vụ buổi làm việc của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, cơ quan ngày 28/02/2018.
2. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2017), Báo cáo rà soát Điều kiện kinh doanh và quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam.

II. Văn bản chỉ đạo, điều hành

1. Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01 tháng 04 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019.
2. Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh
3. Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương
4. Nghị quyết 01 của Chính phủ ngày 1/1/2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018
5. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019
6. Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 1/1/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.
7. Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 08 tháng 08 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2018
8. Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2018
9. Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2018
10. Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp

11. Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2018
12. Nghị quyết số 150/NQ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2018
13. Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về Hội nghị Chính phủ với địa phương và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2018
14. Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 2 năm 2018
15. Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016.
16. Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
17. Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020.
18. Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 6/2/2017 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.
19. Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo.
20. Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2018
21. Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2019
22. Nghị quyết số 39/NQ-CP ngày 11 tháng 06 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2019
23. Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ trực tuyến với các địa phương tháng 6 năm 2019.
24. Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 10 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2018
25. Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 13 tháng 08 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2019

26. Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 09 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019
27. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2018
28. Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2019
29. Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 10 tháng 07 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ với các địa phương và phiên họp thường kỳ tháng 6 năm 2018
30. Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2019
31. Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động thúc đẩy cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 – 2020
32. Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020.

III. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới điều kiện kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý, gồm:

1. Xây dựng
2. Văn hóa thể thao và du lịch
3. Thông tin và Truyền thông
4. Khoa học và công nghệ
5. Giáo dục và Đào tạo
6. An ninh quốc phòng
7. Y tế
8. Công Thương
9. Giao thông vận tải
10. Tài chính
11. Lao động thương binh xã hội
12. Tài nguyên môi trường
13. Ngân hàng nhà nước
14. Tư pháp
15. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 Bà Triệu - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024) 3943 4044 - 6263 1702; Fax: (024) 3943 6024
Website: nxbthanhnien.vn; Email: info@nxbthanhnien.vn
Chi nhánh: 27B Nguyễn Đình Chiểu, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 39303262

Chịu trách nhiệm xuất bản:
LÊ THANH HÀ

Biên tập:
CHU QUANG KHÁNH

In tại Công ty Cổ phần In & Phát triển Thương mại Nhật Minh
Số lượng 100 cuốn, khổ: 19 x 27cm
Giấy phép xuất bản số: 947-2020/CXBIPH/13-18/TN
Mã ISBN: 978-604-9935-66-4
Quyết định số: 494/QĐ-NXBTN cấp ngày 20/3/2020
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2020